

Số: 716 /TCT-KHĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

Kính gửi: Bộ tài chính – Cục phát triển doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện báo cáo các thông tin quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- CTCP (Tổng công ty) xin báo cáo Bộ tài chính đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2024 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

- Tổng doanh thu: 1.322 tỷ đồng; đạt 111% kế hoạch năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế: 262 tỷ đồng; đạt 130% kế hoạch năm 2024.
- Cổ tức: 6,48%; đạt 125% kế hoạch năm 2024.

(Chi tiết tại Bảng số 01-BM3 đính kèm)

❖ Nhận xét đánh giá:

Năm 2024, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên hoạt động sản xuất lâm nghiệp và chế biến gỗ của Tổng công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn do nhu cầu thị trường chế biến gỗ xuất khẩu phục hồi chậm, đơn hàng năm 2024 và quý I/2025 vẫn thưa thớt. Giá trị giải ngân đầu tư phát triển còn thấp do tình hình kinh tế xã hội có nhiều bất lợi, rủi ro, một số địa phương vẫn vướng mắc về vấn đề quy hoạch như Đà Nẵng, Bắc Giang..việc tăng vốn điều lệ cho các đơn vị thành viên còn chậm do vướng mắc về trình tự thủ tục. Bên cạnh đó, một số đơn vị thuộc phía Bắc của Tổng công ty bị ảnh hưởng, thiệt hại khoảng hơn 1.500 ha rừng và tài sản do cơn bão số 3 gây ra đã làm giảm doanh thu, lợi nhuận năm 2024 và các năm tới của Tổng công ty.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Về hoạt động sản xuất lâm nghiệp:

+ Năm 2024, do ảnh hưởng của bão số 3 và mưa lũ sau bão, khoảng 1.500 ha rừng và tài sản của một số đơn vị phía Bắc bị ảnh hưởng và thiệt hại; Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị khắc phục sau bão để giảm thiểu thiệt hại ở mức thấp nhất, nhanh chóng ổn định sản xuất. Những tháng đầu năm 2025 thời tiết khô hạn kéo dài, không có mưa lớn tại các tỉnh phía Bắc nên không thuận lợi cho công tác trồng rừng mới, các đơn vị phía nam chưa đến mùa vụ trồng rừng.

+ Sâu, bệnh hại rừng trồng ngày càng diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng rừng trồng, hiện chưa có biện pháp xử lý triệt để, đây cũng là vấn đề khó khăn chung của toàn ngành.

+ Việc thu hồi đất lần chiếm rất khó khăn, phức tạp; những diện tích thuận lợi đã thu hồi trong các năm trước, diện tích còn lại thu hồi rất khó khăn do người dân chống đối, xử lý tài sản trên đất của người dân phức tạp; chính quyền địa phương chưa quyết liệt trong việc giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm đất đai.

+ Khó khăn trong việc triển khai Đề án kinh doanh tín chỉ các bon do các quy định pháp luật, hướng dẫn thực hiện về lĩnh vực giảm phát thải và thị trường Các-bon tại Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn xây dựng. Các nội dung, quy định về đối tượng trao đổi hạn ngạch giảm phát thải, đối tượng mua bán đầu tư tín chỉ các-bon đang được Bộ NN&MT nghiên cứu điều chỉnh.

- Về hoạt động KDTM gỗ nguyên liệu: gặp nhiều khó khăn do cước vận chuyển và tỷ giá tăng cao; Đơn hàng của các doanh nghiệp CB gỗ vẫn thưa thớt nhỏ lẻ, bị khách hàng ép giảm giá do nhu cầu thị trường ở mức thấp và bị cạnh tranh đơn hàng giữa các doanh nghiệp cùng ngành, thiếu việc làm cho người lao động trong những năm gần đây.

- Về công tác thoái vốn và cơ cấu lại: gặp khó khăn do việc định giá tài sản tại các đơn vị phức tạp, mất nhiều thời gian và yếu tố thị trường không thuận lợi nên không có nhà đầu tư tham gia mua đầu giá.

- Công tác đầu tư phát triển: Một số dự án chậm tiến độ do vướng mắc về quy hoạch; thủ tục tăng vốn điều lệ cho các đơn vị thành viên mất nhiều thời gian.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên:

Trong năm 2024 Tổng công ty không thực hiện Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên.

(Chi tiết theo Bảng số 2-BM3 đính kèm)

2. Các khoản đầu tư tài chính:

Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng công ty có số dư các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn gốc trên 03 tháng là 2.135.770 triệu đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng công ty đầu tư góp vốn vào 46 đơn vị với giá trị theo sổ sách là 933,52 tỷ đồng. Trong đó:

- + Đầu tư vào Công ty con: 487,48 tỷ đồng;
- + Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: 431,18 tỷ đồng;
- + Đầu tư vốn vào công ty khác: 14,86 tỷ đồng;

(Kết quả hoạt động, tình hình tài chính của các Công ty con theo Bảng số 3-BM3 đính kèm)

- Theo kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024, Tổng công ty sẽ bổ sung 59,2 tỷ đồng vốn cho các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp. Tuy nhiên thực tế chưa thực hiện

bổ sung và giải ngân được do thời gian hoàn thiện hồ sơ thủ tục, xin ý kiến hai cổ đông lớn kéo dài hơn dự kiến. Trong năm 2024, Tổng công ty đã nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan, đặc biệt vận dụng các quy định tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP về bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và ban hành Quy chế đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác của Tổng công ty.

Tổng công ty trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- TGD;
- Ban TCNS; ĐTTC;
- Ban PC&KSNB; QL&PTR;
- Ban biên tập website;
- Lưu VT, B.KHĐT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Khánh

100
ÔNG
NGH
NG
VIN
4 TR

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢNG SỐ 01 -BM3
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

(kèm theo báo cáo số ~~16~~ /TCT-KHĐT ngày 15 tháng 06 năm 2025)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Giá trị thực hiện Công ty Mẹ	Giá trị thực hiện Hợp nhất (nếu có)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Ván MDF	m3	28.000	33.416	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.452	1.322	2.066
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	202	262	358
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	224	224	250
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	469	463	1.771
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	87	98,7	234,2
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	9,2	9,8	9,8
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	77,8	88,8	224,4

Ghi chú: Về Giá trị thực hiện Hợp nhất của mục Tổng số lao động: Số liệu bao gồm tổng số lao động của các đơn vị chi nhánh, một thành viên và chi phối, không bao gồm khối đơn vị liên doanh, liên kết

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢNG SỐ 02 - BM3
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP
(kèm theo báo cáo số 716/TCT-KHĐT ngày 13 tháng 06 năm 2025)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia	Tổng công ty không phát sinh trong năm 2024						
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢNG SỐ 03 - BM3
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON
DO TỔNG CÔNG TY NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

(kèm theo báo cáo số 16 /TCT-KHĐT ngày 13 tháng 06 năm 2025)

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tư	60	60	69,90	41,2	2,6	2,60		2	7,30
1.2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập	66,5	66,5	112,40	32,9	2,227	2,227		0,2	45,90
1.3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	46,1	46,1	54,00	29,4	0,219	0,22		0,3	14,00
1.4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà-Đồng Nai	134	134	210,70	54,9	14,693	12,40		1,3	54,00
1.5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình	83,5	83,5	151,70	49,7	6,979	6,98		0,7	67,60
1.6	Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang	62,928	0,24	129,00	18,3	-7,109	- 7,12		0,5	103,40
1.7	Công ty TNHH MTV CB Gỗ và Dăm gỗ Dung Quất	12,6	4,628	27,00	5,1	1,175	1,00		0,8	17,60
1.8	Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động và dịch vụ Vinafor	8,5	8,5	8,00	3,1	-0,737	-0,737		0,07	1,40
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty CP Cẩm Hà	67,316	28,878	120,00	118,7	2,056	1,20		2,70	37,00
2.2	Công ty CP Giống Lâm nghiệp vùng Bắc Bộ	2,1	1,743	9,20	3,3	0,02	0,005		0,20	6,70
2.3	Công ty CP Giống LN vùng Bắc Trung Bộ	2,825	1,5	14,30	7,4	0,525	0,50	0,30	0,04	6,60
2.4	Công ty CP Giống LN vùng Đông Bắc	1,6	0,518	15,60	5,4	0,555	0,50		0,05	13,40
2.5	Công ty CP Giống LN vùng Nam Bộ	10	6,4622	33,00	37,4	6,002	5,30		1,50	7,10
2.6	Công ty CP Giống LN vùng Nam Trung Bộ	2,197	1,4917	4,30	3,3	0,93	0,80	0,05	0,20	0,40
2.7	Công ty CP Giống LN vùng Tây Nguyên	9,9	5,125	12,50	6	1,17	0,99	0,40	0,60	1,20
2.8	Công ty CP Lâm đặc sản và XNK Hà Tĩnh	2,7	2,1	6,40	10,8	-2,4	- 2,40		0,50	13,30
2.9	Công ty CP Long Bình	9	6,097	17,00	24,1	2,214	1,80	0,70	1,20	5,00
2.10	Công ty CP SX và XNK Lâm sản Sài Gòn	24	15,028	62,70	102,6	0,324	0,32		10,80	36,70
2.11	Công ty CP Vinafor Đà Nẵng	20,183	13,7	70,70	132,3	-10,246	- 10,25		0,20	77,40
2.12	Công ty CP Vinafor Tây Nguyên	12,195	0	7,70	0	-0,245	- 0,25		0,40	19,00